

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý 1 năm 2025

Thực hiện Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của Chủ tịch UBND phường Phổ Hòa về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Phổ Hòa; Ủy ban nhân dân phường Phổ Hòa đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính quý 1 năm 2025 đạt được những kết quả, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

I. Kết quả thực hiện một số nội dung chủ yếu trong công tác cải cách hành chính tại địa phương:

1. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính:

Thực hiện nhiệm vụ năm 2025, Ủy ban nhân dân phường đã ban hành Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của Chủ tịch UBND phường Phổ Hòa về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Phổ Hòa. Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 06/01/2025 về việc ban hành mục tiêu chất lượng năm 2025 áp dụng tại UBND phường Phổ Hòa; Công văn số 24/UBND ngày 24/01/2025 về việc tập trung thực hiện các chỉ tiêu liên quan đến cải cách thủ tục hành chính trong năm 2025; Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 22/01/2025 về tuyên truyền công tác CCHC năm 2025; Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 04/02/2025 truyền thông về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử trên địa bàn phường Phổ Hòa; Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 04/02/2025 đầu tư ứng dụng CNTT trong phát triển chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số, chuyển đổi số năm 2025 của UBND phường Phổ Hòa; Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 02/01/2025 rà soát, đánh giá TTHC năm 2025; Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 17/02/2025 kiểm tra, rà soát hệ thống hóa văn bản QPPL năm 2025 trên địa bàn phường Phổ Hòa; Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 31/12/2024 về Chuyển đổi số phường Phổ Hòa năm 2025; Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 02/02/2025 về Truyền thông về Chuyển đổi số phường Phổ Hòa năm 2025; Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 03/01/2025 Kiểm tra của Tổ Kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của phường Phổ Hòa (Tổ Kiểm tra 48); Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 02/01/2025 Tổ chức đối thoại giữa Lãnh đạo UBND phường với tổ chức, công dân về thủ tục hành chính và giải quyết thủ tục hành chính năm 2025; Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 18/10/2024 về việc kiện toàn Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế Một cửa, một cửa liên thông UBND phường Phổ Hòa;

Thực hiện chế độ họp giao ban hàng tháng chỉ đạo các ban, ngành thuộc phường căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của mình triển khai thực hiện những

nhiệm vụ cụ thể trên từng lĩnh vực thực hiện cải cách hành chính, bao gồm: cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy; xây dựng và nâng cao chất lượng, kịp thời nhắc nhở cán bộ, công chức thực hiện nghiêm việc thực hiện cải cách hành chính trong các lĩnh vực. Nhìn chung, UBND phường thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở các ban, ngành phối hợp thực hiện đạt kết quả.

2. Đánh giá, cập nhật tiến độ thực hiện Kế hoạch CCHC năm.

Quý 01/2025, UBND phường đã thực hiện đạt 25% kế hoạch công tác cải cách hành chính đề ra trong năm, đảm bảo nội dung, thời gian quy định.

3. Đánh giá về công tác kiểm tra CCHC (Kiểm tra theo kế hoạch; kiểm tra đột xuất; kết quả, tiến độ xử lý, khắc phục những hạn chế, bất cập sau kiểm tra).

- UBND phường đã ban hành Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 03/01/2025 Kiểm tra của Tổ Kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của phường Phở Hòa (Tổ Kiểm tra 48)

- Thời gian kiểm tra: dự kiến quý 3/2025.

4. Về công tác thông tin, tuyên truyền CCHC (Nội dung, hình thức và kết quả thực hiện; nêu rõ số lượng các tin, bài viết, phóng sự chuyên đề về CCHC đã thực hiện).

UBND phường đã ban hành Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 22/01/2025 về tuyên truyền công tác CCHC năm 2025; Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 04/02/2025 truyền thông về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử trên địa bàn phường Phở Hòa

5. Tổng hợp, cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, UBND thị xã, Chủ tịch UBND thị xã giao.

- Hầu hết các nhiệm vụ cấp trên giao UBND phường đã triển khai thực hiện đạt trên 30%.

6. Đánh giá về những mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC được thí điểm, nhân rộng và triển khai có hiệu quả tại cơ quan, đơn vị, địa phương

UBND phường tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 30/12/2021 về áp dụng mô hình Dân vận khéo “Chính quyền thân thiện vì Nhân dân phục vụ” năm 2025 để cán bộ, công chức UBND phường triển khai thực hiện; Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 16/02/2023 thành lập mô hình “Tuyên truyền pháp luật qua hệ thống loa truyền thanh và cổng thông tin điện tử phường Phở Hòa”.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

1.1 Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Trong quý I/2025 phường đã ban hành Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 17/02/2025 kiểm tra, rà soát hệ thống hóa văn bản QPPL năm 2025 trên địa bàn phường Phở Hòa.

1.2 Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật.

Trong năm, UBND ban hành Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 03/01/2025 triển khai công tác THPL về XLVPHC năm 2025 trên địa bàn phường Phở Hòa; Kế hoạch số 22/KH-UBND, ngày 14/02/2025 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2025 trên địa bàn phường Phở Hòa; Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 22/01/2025 đảm bảo ATVSTP trên địa bàn phường Phở Hòa năm 2025; Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 22/01/2025 đảm bảo VSATTP trong dịp Tết Nguyên đán và mùa Lễ hội Xuân năm 2025.

1.3 Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

UBND phường đã ban hành Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 03/01/2025 triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2025 trên địa bàn phường Phở Hòa. Trong đó quý I/2025 Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật phường đã tổ chức tuyên truyền Luật NVQS 10 lượt trên Đài truyền thanh; phối hợp với Hội Nông dân phường, Công an phường tổ chức lồng ghép tuyên truyền Luật PCCC, Luật An toàn giao thông...trước trong và sau Tết nguyên đán Ất Tỵ ở 04 tổ dân phố có 185 người tham dự.

1.4 Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (Số lượng văn bản đã được kiểm tra, rà soát; tiến độ, kết quả xử lý văn bản sau kiểm tra, rà soát; kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật).

- Không ban hành văn bản QPPL nên không tiến hành kiểm tra, rà soát.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

2.1 Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC: đã ban hành kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 02/01/2025 rà soát, đánh giá TTHC năm 2025; hiện nay đang tiến hành rà soát.

2.2 Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết: Bộ phận Kiểm soát TTHC thường xuyên tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC đã được giải quyết trên hệ thống “motcuaquangngai”.

2.3 Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

+ Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp: UBND phường đã kiện toàn bộ phận TN&TKQ; hiện nay bộ phận một cửa cơ bản đáp ứng đủ diện tích quy định, bố trí đảm bảo các điều kiện phục vụ các tổ chức, cá nhân tại Bộ phận một cửa như: quạt, camera, bàn làm việc, ghế ngồi chờ, bàn viết, máy scan, máy vi tính....

+ Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC: hiện nay đã thực hiện ký số trên hệ thống office các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, các báo cáo, kế hoạch, Tờ trình, Quyết định, Công văn... đạt 100%.

+ Tổng hợp, cập nhật kết quả giải quyết hồ sơ TTHC: 15/12/2024 đến ngày 11/03/2025, UBND phường đã giải quyết 146 hồ sơ, trong đó hồ sơ trực tuyến trực tuyến toàn trình là 46 hồ sơ và dịch vụ công trực tuyến một phần là 100 hồ sơ.

+ Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: Không có phản ánh kiến nghị của người liên quan đến TTHC.

+ Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC: Thực hiện việc lấy ý kiến khảo sát sự hài lòng của nhân dân theo văn bản chỉ đạo của cấp trên, trong quý 1 năm 2025, UBND phường đã tiếp nhận và giải quyết 16 thủ tục hành chính với 146 hồ sơ, tiến hành lấy phiếu khảo sát 15% trên tổng số TTHC giải quyết là 25 phiếu. Trong đó:

- Hài lòng về kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đạt 100%; Hài lòng về cách ứng xử, giao tiếp, tinh thần trách nhiệm của công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đạt 100%.

(Có biểu tổng hợp bên dưới kèm theo)

3. Cải cách tổ chức bộ máy

Cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc UBND phường được tổ chức và hoạt động theo đúng quy định đảm bảo không có sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ giữa các ban, ngành chuyên môn.

Triển khai thực hiện nghiêm Quy chế làm việc của UBND phường đảm bảo theo Quyết định 340/QĐ-UBND ngày 07/10/2021 ban hành Quy chế làm việc của UBND phường Phổ Hòa nhiệm kỳ 2021 – 2026 và ban hành Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 07/8/2021 về việc phân công nhiệm vụ của Chủ tịch, PCT, UV UBND và công chức phường Phổ Hòa nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Việc kiểm tra đánh giá tình hình hoạt động của các ban, ngành được thực hiện thường xuyên thông qua các cuộc họp trực báo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ trong tháng, triển khai nhiệm vụ tháng đến, qua đó kịp thời chỉ đạo khắc phục những khó khăn, tồn đọng, làm cơ sở đánh giá, biểu dương khen thưởng hàng năm.

Tiếp nhận 01 cán bộ từ xã Phổ Khánh về Phổ Hòa giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy phường Phổ Hòa.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Thực hiện nâng ngạch cán bộ: trong ba tháng đầu năm trình cấp trên 01 cán bộ nâng bậc thường xuyên theo định kỳ.

- Lập hồ sơ giải quyết cho cán bộ nghỉ hưu theo nguyện vọng theo Nghị định số 177/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ đối với 02 cán bộ phường.

- Thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Đến nay có 17/20 biên chế. Trong đó:

+ Tổng số cán bộ: 09 người, trình độ chuyên môn: đại học 09/10 đạt 90%, cao đẳng 01/9 chiếm 10%. Hiện nay, phường khuyết 01 Chủ tịch UB MTTQ Việt

Nam phường, khuyết Chủ tịch HĐND phường kiêm nhiệm.

+ Tổng số công chức: 08 người, trình độ chuyên môn: đại học 08/08 đạt 100%.

- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức.

Nâng cao tinh thần trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức. Giáo dục cán bộ, công chức về chính trị, tư tưởng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm, ý thức tận tâm, tận tụy với công việc; xây dựng tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức. Thực hiện Quy chế dân chủ trong cơ quan, nhất là trong các công việc có quan hệ trực tiếp với công dân, trong lĩnh vực tài chính, ngân sách; bảo đảm thực hiện kỷ cương của bộ máy, nâng cao trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật của đội ngũ cán bộ, công chức.

- Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: đã đăng ký số lượng cán bộ, công chức có nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng tập huấn năm 2025.

5. Cải cách tài chính công

- Thu ngân sách do UBND thị xã giao đạt 39,14% .Thu ngân sách phường so với Dự toán năm: đạt 20,31%. Kết quả thực hiện các Kết luận, kiến nghị sau thanh tra thực hiện đúng nội dung, đảm bảo tiến độ.

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: Ban hành Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 13/01/2025 về việc công bố công khai Dự toán ngân sách năm 2025 của phường Phổ Hòa; Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 13/01/2025 về việc Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025; Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 16/01/2025 về việc Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của UBND phường Phổ Hòa năm 2025. Thực hiện cân đối nguồn kinh phí tiết kiệm, hiệu quả. Đảm bảo nguồn kinh phí cải cách tiền lương và các chính sách an sinh xã hội. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực cho địa phương để phát triển kinh tế xã hội, văn hóa, thể dục thể thao của phường nhà..... Hạn chế tối đa việc tổ chức nhiều cuộc họp riêng lẻ, lồng ghép các cuộc họp có chung thành phần, nội dung đơn giản để tiết kiệm chi phí tổ chức họp.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

UBND phường ban hành Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 04/02/2025 đầu tư ứng dụng CNTT trong phát triển chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số, chuyển đổi số năm 2025 của UBND phường Phổ Hòa. Xây dựng hệ thống Trang thông tin điện tử <https://phuongphohoa.ducpho.quangngai.gov.vn> hiện đang hoạt động hiệu quả.

- Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật: đã cài đặt hệ thống bảo mật trên máy vi tính đạt 100%; nâng cấp 02 máy tính có tính năng ít hiệu quả.

- Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ: áp dụng vào việc giải quyết TTHC hàng ngày đạt kết quả cao: Thực hiện tốt chữ ký số trên phần mềm ioffice đạt 100% văn bản ban hành; chuyển tải văn bản trên hệ thống truyền

tải đến các tài khoản của cán bộ, công chức nhờ đó đã tiết kiệm hiệu quả được ngân sách nhà nước.

- Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần là: 138 hồ sơ. Thực hiện lưu số hóa hồ sơ trong đó: Tỷ lệ hồ sơ có số hóa đầy đủ thành phần HS khi tiếp nhận đạt 100%; Số hóa kết quả giải quyết TTHC đạt 100%.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm:

Việc thực hiện cơ chế 1 cửa tại UBND phường đã có những chuyển biến tích cực trong thực hiện thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ cho các tổ chức và công dân, giảm được tình trạng công dân phải đi lại nhiều lần để giải quyết công việc.

Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức trong cơ quan ngày càng được nâng cao và đạt chuẩn theo qui định, đáp ứng được nhu cầu công việc.

Hoạt động tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế 1 cửa đang tiếp tục triển khai thực hiện.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của cơ quan ngày càng được quan tâm và mang lại hiệu quả trong việc phối hợp công tác và giải quyết công việc.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác cải cách hành chính và hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu.

2. Hạn chế:

Nhìn chung việc vận hành phần mềm nội bộ được thông suốt, tuy nhiên vẫn còn một vài công việc của công chức chuyên môn vẫn chưa chủ động trong công tác tham mưu các kế hoạch liên quan đến ngành phụ trách.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRONG QUÝ 2/2025:

Trong quý 2 năm 2025, Ủy ban nhân dân phường xác định phương hướng, nhiệm vụ cần tập trung thực hiện như sau:

- Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền và tổ chức thực hiện những nội dung, nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch cải cách hành chính.

- Căn cứ Nghị định số 61/2018/QĐ-TTg ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ, Thông tư 01/2018/TT-CP, UBND phường thường xuyên chỉ đạo công chức chuyên môn chấp hành nghiêm việc áp dụng quy trình vào công tác giải quyết TTHC của tổ chức, công dân trên địa bàn đảm bảo qui định.

- Nâng cao trình độ, kiến thức năng lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực cải cách hành chính, các quy định của pháp luật cho đội ngũ cán bộ công chức Ủy ban nhân dân phường. Tăng cường ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức khi thực thi nhiệm vụ.

- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong lãnh đạo, điều hành và thường xuyên kiểm tra việc thực hiện của cán bộ, công chức để kịp thời đề ra biện pháp khắc phục những hạn chế, yếu kém và kiên quyết xử lý những cán bộ, công chức có hành vi, thái độ nhũng nhiễu, hách dịch, cửa quyền hoặc gây phiền hà đối với tổ chức và công dân nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý hành chính.

- Đẩy mạnh việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 đúng quy trình.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức trong cơ quan.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Thủ tục đăng ký kết hôn, thủ tục đăng ký khai sinh và thủ tục đăng ký khai tử đúng hạn là những thủ tục không mất phí nhưng trên cổng dịch vụ công là thủ tục thanh toán trực tuyến nên làm giảm tỉ lệ thanh toán trực tuyến. Đề nghị không tính 03 thủ tục hành chính trên là thủ tục thanh toán trực tuyến.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện CCHC quý 1 năm 2025 của UBND phường Phổ Hòa. Kính báo cáo UBND thị xã./.

Nơi nhận:

- Phòng Nội vụ thị xã;
- TT Đảng ủy, TT HĐND
- Trưởng các ban, ngành, đoàn thể;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Công Trí

PHỤ LỤC
Thống kê số liệu về kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính
tại UBND phường Phổ Hòa
(Kèm theo Báo cáo số 39/BC-UBND ngày 10/03/2025
của UBND phường Phổ Hòa)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Cơ quan chủ trì thống kê báo cáo	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu		
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC				
1.1.	Kế hoạch CCHC		1	Văn phòng UBND	
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	7		
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ			
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	13		
1.2.	Kiểm tra CCHC			Văn phòng Thống kê phường	
1.2.1	Số cơ quan đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0		
1.2.2	Số đơn vị thuộc phường đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0		
1.2.3	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0		
1.2.4	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0		
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ UBND thị xã, Chủ tịch UBND thị xã giao			Văn phòng Thống kê phường	
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	7		
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	0		
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0		
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			Văn phòng Thống kê phường	
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	25		
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1		
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0		
2.	Cải cách thể chế			Tư pháp- Hộ tịch	
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	0		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Cơ quan chủ trì thống kê báo cáo	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu		
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0		
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	0		
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0		
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0		
3.	Cải cách thủ tục hành chính			Văn phòng Thống kê phường	
3.1.	Thống kê TTHC				
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0		
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0		
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục			
Trong đó	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục			
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	179		
3.2.	Vận hành Cổng dịch vụ công (Cổng DVC)				
3.2.1.	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	179		
3.2.2.	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	56		
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông		1		
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	1		
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	0		
3.3.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100		
3.3.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100		
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC	146	146		
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các cơ quan chuyên môn tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100		
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND thị xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%			
3.4.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100		
3.4.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn	%	0		
3.4.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng	%			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Cơ quan chủ trì thống kê báo cáo	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu		
	được giải quyết đúng hạn				
3.5.	Vận hành Cổng dịch vụ công				
3.5.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	0		
3.5.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	56		
3.5.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến.	Thủ tục			
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			Văn phòng Thống kê phường	
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy				
4.1.1.	Số cơ quan chuyên môn cấp phường	Cơ quan, đơn vị	6		
4.1.2.	Số tổ chức liên ngành do UBND thị xã thành lập	Cơ quan, đơn vị			
4.1.3.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thị xã	Cơ quan, đơn vị			
	Số ĐVSNCN thuộc UBND thị xã	Cơ quan, đơn vị			
	Tỷ lệ ĐVSNCN đã cắt giảm so với năm 2015	%			
4.2.	Số liệu về biên chế công chức				
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	20		
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	17		
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	0		
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0		
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	0		
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập				
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	20		
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	17		
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0		
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%			
5.	Cải cách chế độ công vụ			Văn phòng Thống kê phường	
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức				
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được	Cơ quan, đơn vị	6		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Cơ quan chủ trì thống kê báo cáo	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu		
	phê duyệt vị trí việc làm theo quy định				
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị			
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0		
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức				
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0		
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0		
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người	0		
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0		
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0		
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo		0		
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	0		
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND thị xã được bổ nhiệm mới	Người	0		
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).		0		
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0		
5.4.2.	Số lãnh đạo cơ quan chuyên môn thuộc UBND thị xã và UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0		
5.4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0		
6.	Cải cách tài chính công			Tài chính – Kế toán	
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0		
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0		
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0		
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời	Cơ quan, đơn vị	01		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Cơ quan chủ trì thống kê báo cáo	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu		
	điểm báo cáo)				
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0		
7.	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số		0	Văn phòng Thống kê phường	
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	0	Văn phòng Thống kê phường	
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: từ UBND thị xã đến 100% UBND cấp xã.</i> <i>Liên thông 3 cấp: từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	Văn phòng Thống kê phường	
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	1	Văn phòng Thống kê phường	
7.4.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn thuộc UBND thị xã, UBND cấp xã được cấp chứng thư số		1	Văn phòng Thống kê phường	
7.5.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		Văn phòng Thống kê phường	
7.6.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử		0	Văn phòng Thống kê phường	
7.6.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp huyện đến cấp xã				
Trong đó	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn đã kết nối, liên thông với UBND thị xã	%			
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND thị xã.	%	100		
7.6.2.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn thị xã	Văn bản			
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (<i>Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>).	%	100		
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	100		
7.7.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của thị xã			Văn hóa – Xã hội; Văn phòng Thống kê phường	
7.7.1.	Tỷ lệ các cơ quan chuyên môn đã kết nối liên thông với Hệ thống	%			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Cơ quan chủ trì thống kê báo cáo	Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu		
7.7.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100		
7.8.	Dịch vụ công trực tuyến				
7.8.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	50		
7.8.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	6		
7.8.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	100		
7.8.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	100		

